

# Công đức của việc trì kinh

(Trích đoạn thứ 15 trong Kinh Kim Cang để luận giải)

## • Thích Như Điển

Chữ: “Tu Bồ Đề! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn sơ nhứt phần dĩ hằng hà sa đẳng thân bồ thí; trung nhứt phần diệc dĩ hằng hà sa đẳng thân bồ thí; hậu nhứt phần diệc dĩ hằng hà sa đẳng thân bồ thí, như thị vô lượng bách thiên vạn ức kiếp dĩ thân bồ thí. Nhược phục hữu nhơn văn thử kinh điển tín tâm bất nghịch, kỳ phước thắng bị; hà huống thơ tả, thọ trì đọc tụng, vi nhơn giải thuyết”.

Nghĩa:

“Này Tu Bồ Đề! Nếu có người con trai lành, người con gái tốt vào buổi sáng dùng thân này nhiều như số cát sông Hằng để bồ thí; ở vào giữa ngày lại cũng dùng thân này nhiều như cát sông Hằng để bồ thí và ở cuối ngày lại cũng dùng thân này nhiều như cát sông Hằng để bồ thí, như vậy cả hằng trăm ngàn vạn ức kiếp đều dùng thân này để bồ thí. Nếu có người nghe được kinh này tín tâm không nghịch thì phước này hơn kia, đó là chưa nói việc viết kinh, thọ trì hay đọc tụng và vì người khác giải thích, chỉ bày”.

Luận giải:

Ngài Tu Bồ Đề là bậc tu về giải không đệ nhứt mà chúng ta vẫn thường thấy Ngài hay xuất hiện trong Kinh Kim Cang. Đức Phật hay gọi Ngài để hỏi hay giảng nghĩa chỗ sâu xa nhất về ý nghĩa Không của Kinh này. Như đoạn kinh thứ 15 trong 32 đoạn kinh của Kinh Kim Cang mà chúng ta được biết như trên, dấu cho một người dùng thân này tượng trưng cho hình tướng từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều cho đến vô lượng vô biên kiếp và nhiều như cát sông Hằng ở Ấn Độ đi nữa thì không bằng một người khi nghe được Kinh Kim Cang này mà có tín tâm không chống đối lại, thì phước của người có lòng tin vẫn hơn là phước của người dùng thân mình để bồ thí.

Ở đây chúng ta thấy niềm tin là quan trọng, mà tin như thế nào khi nghe Kinh? Làm sao để đừng nghịch lại lời dạy của Đức Phật? Đây không phải là việc đơn giản. Vì lẽ khi tin Phật hay tin Kinh thì phải hiểu Phật và hiểu Kinh. Vì khi hiểu Kinh và hiểu Phật tức là hiểu pháp; hoặc ngược lại khi hiểu pháp rồi thì sẽ hiểu Phật và hiểu Kinh. Niềm tin ấy bất hoại và chính từ niềm tin sâu xa ấy sẽ tạo ra công đức không thể nghĩ bàn được. Chúng ta tin vào Phật phải tin vào pháp và phải tin vào Tăng, tin vào Kinh, tin vào nhân quả. Tất cả những việc này đều tạo chúng ta có một sức mạnh tự thân khi muốn diễn đạt tư tưởng của mình trong sự có không của cuộc đời vốn đầy mộng ảo này. Có như vậy mới gọi là bất nghịch. Bất nghịch ở đây có nghĩa là không nghi ngờ. Một niềm tin nhân quả mà còn nghi ngờ thì không gọi là một niềm tin trọn vẹn được. Chỉ chừng ấy việc thôi mà phước này có được nhiều hơn phước đức của người đem thân cúng dường suốt ngày và trong nhiều kiếp như thế.

Đó là chưa kể đến những người chép Kinh, in Kinh ấn tống, những người giữ gìn, đọc tụng và vì người khác mà diễn nói cho họ nghe nghĩa lý của Kinh này thì phước của những người sau này nhiều hơn phước của những người cúng dường thân mình nhiều lắm. Những ai chép Kinh hay những ai vì kẻ khác mà phát tâm ấn tống Kinh. Điều này đã là một công đức làm lợi lạc cho mọi người và sự lợi lạc ấy càng ngày càng nhiều thêm lên, nên công đức này không nhỏ. Ngoài ra những kẻ không biết đọc tụng mà chỉ cung kính giữ gìn thờ tự Kinh Điển thì công đức của người này cũng hơn người cúng dường thân kia. Vì sao vậy? Vì Kinh Điển còn tồn tại ở thế gian tức việc xấu ít dám hiển bày, khiến cho thế gian được an ổn vậy. Có nhiều người sau khi đọc tụng Kinh này rồi, hiểu rõ nghĩa lý sâu xa huyền nhiệm của Kinh, đem ra diễn nói giải thích cho người khác được nghe, hiểu và hành trì thì công đức của người này cũng lại hơn kia.

Chữ:

“Tu Bồ Đề! Dĩ yếu ngôn chi thị Kinh hữu bất khả tư nghì, bất khả xưng lượng, vô biên công đức. Như Lai vì phát Đại Thừa giả thuyết. Vì phát tối thượng thừa giả thuyết. Nhược hữu nhơn năng thọ trì đọc tụng, quảng vi nhơn thuyết. Như Lai tất tri thị nhơn, tất kiến thị nhơn, giai đắc thành tựu bất khả lượng, bất khả xưng, vô hữu biên, bất khả tư nghì công đức”.

Nghĩa:

“Tu Bồ Đề! Dùng lời chính để nói thì Kinh này thật bất tư nghì khó thể xưng đếm, công đức vô cùng. Như Lai vì kẻ phát tâm Đại Thừa mà nói. Như Lai vì kẻ phát tâm tối thượng thừa mà nói. Nếu có người hay thọ trì, đọc tụng, rộng vì người khác nói. Như Lai tất rõ biết người này, tất thấy người này sẽ được thành tựu, chẳng thể lường, chẳng thể xưng, không có ngăn mé, công đức bất khả tư nghì như thế”.

Luận giải:

Chữ bất khả tư nghì chúng ta thường thấy nơi Kinh Phật. Ý chính dùng để diễn tả những việc gì không thể nói hết được ý và được lời; nên Phật đã dùng chữ này để biểu hiện đồng với chữ “hằng hà sa số” cũng như thế. Cái gì mà nhiều không tính được, không đếm được Đức Phật hay dùng cát của sông Hằng để ví dụ. Kinh này là một loại Kinh tạo ra rất nhiều công đức. Vì vậy Đức Như Lai đã vì những kẻ phát tâm Đại Thừa mà nói ra. Thế nào là tâm đại thừa? Tâm ấy như đại đại, rộng rãi như hư không, không có biên giới giới hạn; nên Phật gọi đây là một công đức lớn, không

có gì sánh bằng là vậy. Đức Phật cũng đã vì những kẻ tu học tối thượng thừa mà nói kinh này. Vì lẽ kinh này sẽ dẫn hành giả đến chỗ bến bờ tuyệt đối, không còn phân biệt bỉ thử, nhân ngã nữa.

Nếu có người nào đó hay thọ trì đọc tụng kinh này, lại vì người khác mà nói cho họ rõ biết về tánh không của Kinh, phải đứng trên lập luận vô tướng pháp môn để thành tựu và không trụ vào đâu cả để sinh tâm v.v... thì những người như vậy Đức Như Lai đã rõ biết và chứng nhận cho người này đã thành tựu các pháp tu, mà pháp tu ấy có một công đức vô lượng vô biên, không có gì có thể sánh được.

Chữ:

"Như thị như đặng, tức vi hà đằm Như Lai A nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề. Hà dĩ cố? Tu Bồ Đề! Nhược lạc tiểu pháp giả; trước ngã kiến, như kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. Tức ư thử kinh bất năng thính thọ, đọc tụng vi như giải thuyết".

Nghĩa:

"Những người như thế, tức hay gánh vác việc vô thượng chánh đẳng chánh giác của Như Lai. Vì sao vậy? Đây Tu Bồ Đề! Nếu kể vui với pháp nhỏ thì chấp vào cái thấy của ta, cái thấy của người, cái thấy của chúng sanh, cái thấy của thọ giả. Những kẻ như thế không thể nghe được kinh này và đọc tụng và vì người khác mà giải thích".

Luận giải:

Những người như thế tức là những người có công đức mới có thể gánh vác được việc của Như Lai. Việc ấy rất cao cả. Đó chính là chỗ đến của các bậc Như Lai. Còn nếu kẻ nào chỉ chấp trước vào việc của mình làm, việc thấy nghe kẻ khác và chấp vào việc của chúng sanh, mà cho rằng mình đúng, thì kẻ ấy chỉ vui với những pháp nhỏ, làm sao có thể gánh vác được việc của Như Lai. Việc của Như Lai là việc không từ đâu đến và cũng chẳng đi về đâu. Nên không phải là ai cũng có thể gánh vác được. Những kẻ có tâm vui với pháp nhỏ thì không thể nghe hiểu cũng như trì tụng và vì người khác mà giải nói kinh này được".

Chữ:

"Tu Bồ Đề! Tại tại xứ xứ, nhược hữu thử kinh nhất thiết thế gian thiên như A-tu-la, sở ứng cúng dường đương tại thử xứ, tức vi thị pháp, giai ứng cung kính, tác lễ vi nhiều, dĩ chư hoa hương nhi tán kỳ xứ."

Nghĩa:

"Đây Tu Bồ Đề! Ở tại khắp nơi, nếu có kinh này, tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la đều nên cúng dường; hãy biết rằng ở nơi đó, chính là những ngôi tháp, đều nên cung kính, làm lễ đi nhiễu chung quanh và dùng hoa hương tán thán nơi ấy".

Luận giải:

Như vậy nơi đâu có kinh Kim Cang Bát Nhã mà có người trì tụng, giải nói cho người khác nghe, thì cả những chư Thiên, chư Tiên, các vị vua cõi trời Đế Thích trong lục dục Thiên; hay ở cõi sắc giới và vô sắc giới cùng với A-tu-la đều đến cúng dường người đó, nơi đó. Vì lẽ chính nơi truyền bá tư tưởng không ấy, chính là những ngôi tháp thờ Xá Lợi của Đức Phật. Mặc dầu ngày nay Đức Phật không còn hiện hữu trong nhân gian nữa; nhưng những lời dạy của Ngài cũng giống như những bảo tháp thờ Xá Lợi vậy. Do những điểm quan trọng này mà chúng ta nên cung kính cúng dường, làm lễ đi nhiễu quanh tháp nhiều lần và dùng hoa hương thanh tịnh để tán thán nơi có Kinh Kim Cang Bát Nhã này.

Những lời dạy của Đức Phật rất đơn giản nhưng rất sâu sắc ấy mãi cho đến những ngày sau cả mấy ngàn năm chúng ta vẫn thấy có nhiều người hành trì như việc in Kinh ấn tống cúng dường; thờ Kinh nơi chỗ trang nghiêm rồi các vị pháp sư liên tục diễn giải ý nghĩa thâm thâm của những Kinh Điển Đại Thừa; trong đó có kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật này. Ngoài ra để thể hiện sự cung kính ấy, người Phật Tử thường hay tham gia những pháp hội, những khóa huân tu niệm Phật hay thiên tọa; hoặc hành hương xứ Phật chốn Tổ để đi nhiễu tháp, mua hương thơm, đèn, nến để cúng dường. Vì những người Phật Tử khi lễ bái cầu nguyện như vậy, họ xem Phật như còn tại thế.

Hương giới, hương định, hương huệ, hương giải thoát và hương tri kiến là năm phần hương thanh cao ngào ngạt mà cư sĩ cũng như tu sĩ khi hành trì, quyết giữ phẩm hạnh và giới đức của mình cho thanh tịnh trong sạch để dâng lên Đức Như Lai. Đây chính là một hành động thiết thực mà người tu Phật không được phép lơ là. Đôi khi chúng ta muốn tạo phước chớ ít muốn tạo đức. Nhưng như trước chúng ta đã thấy ở đoạn kinh này, người lấy thân cúng dường là có phước; nhưng phước này không thể sánh được với người trì tụng kinh này cũng như in kinh cúng dường và vì người khác giải nói. Chính những việc này mới sinh ra đức.

Phước giống như cây đèn cầy. Còn đức giống như ngọn đèn sáng. Cây đèn cầy dù lớn đến đâu đi chẳng nữa, nếu chúng ta đốt liên tục trong nhiều ngày, cây đèn cầy ấy sẽ hết. Còn cái đức ấy vốn vô hình; giống như ngọn đèn sáng, có đó rồi mất đó. Nhưng nếu ta đem cái sáng ấy giống như sự trì tụng và hiểu biết kinh điển kia đem truyền lại cho người khác thì cái sáng này sẽ miên viễn không dứt tuyệt mà cái đức lại sanh ra càng ngày càng nhiều hơn nữa.

Chư Thiên là những bậc cao cả hay phát nguyện hộ trì cho những ai giữ gìn chánh pháp và làm cho cái đức ấy được lâu bền. Cho nên những người cư sĩ tại gia hay những người xuất gia; nơi nào có tụng kinh thường xuyên; nơi nào có in kinh ấn tống; nơi nào có người diễn nói pháp mầu của chư Phật v.v... những nơi như thế luôn luôn được thịnh hành. Vì các vị hộ pháp và chư Thiên che chở, phát nguyện hộ trì. Ngược lại những nơi nào không làm những việc như thế thì thiếu sự cúng dường của loài người, chớ đừng nói đến chư Thiên hoặc các vị Thiện thần. Vì lẽ các Ngài chỉ hộ trì người nào và nơi nào có mục đích làm cho chánh pháp được cửu trụ nơi cõi Ta Bà này.

Như vậy việc tụng kinh, niệm Phật, hành thiền, lễ bái, cầu nguyện, nhiễu tháp, hành hương chiêm bái Phật tích, góp tịnh tài in kinh ấn tống cúng dường, khuyên người khác đi chùa lễ Phật và giảng nói cho họ nghe về những tinh túy của Phật pháp v.v... chính đây là những người làm việc lớn, có thể gánh vác được việc trọng đại của Chư Phật trong ba đời để thành được vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Trong thời mạt pháp, mọi vật có hình tướng đều khó thể tồn tại ở thế gian này; ngoại trừ giáo pháp là những lời dạy của Đức Phật sẽ còn tồn tại. Thật đúng như thế, khi mà Phật không còn tại thế nữa, Tăng không còn hành đạo nữa. Lúc ấy kinh điển là điều quan trọng. Cho nên kể từ ngay bây giờ sau khi đọc đến công đức của việc trì kinh trong Kinh Kim Cang này chúng ta nên tùy thuận mọi Phật sự như Đức Thế Tôn đã dạy bên trên để giáo pháp của Ngài vẫn luôn luôn tồn tại nơi cõi Ta Bà này.

- *Viết xong ngày mùng 6 tháng 12 năm Đinh Hợi tại Bồ Đề Đạo Tràng Ấn Độ là ngày Phật thành đạo dưới cội Bồ Đề nhằm ngày 15 tháng giêng năm 2008.*